

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21 – 3 – 2019

“Về việc xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

2. Ông Bùi Đức Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Kim Văn V, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bào Giá, xã Trần P, huyện Đ, tỉnh M.

Chỗ ở hiện nay: Số 203, LHP, ấp TĐ, xã LVL, thành phố C, tỉnh M.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp HN, xã HT, thành phố C, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc yêu cầu xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 13/3/2019 và tại phiên tòa, anh Kim Văn V trình bày:

- Về hôn nhân: Anh V và chị N chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi nhiều lần và đã hàn gắn nhưng không thành đã ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Hiện nay anh nhận thấy không còn tình cảm với chị N và không thể tiếp tục chung sống với chị N được nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh V xác định có 01 người con chung tên Kim Phú H, sinh ngày 13/01/2013, hiện đang sống với anh V. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Hải, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh V khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng.

* Tại bản tự khai ngày 13 tháng 3 năm 2019 và biên bản hòa giải cùng ngày chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị với anh V chung sống với nhau vào năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống những năm đầu hạnh phúc đến tháng 3 năm 2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên chị bỏ đi, hiện chị và anh V đã ly thân từ đó cho đến nay, chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nay anh V yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh V có 01 người con chung tên Kim Phú H, sinh ngày 13/01/2013 hiện đang sống với anh V. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh V nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng.

Do bận công việc không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa nên chị yêu cầu được vắng mặt tại các phiên xét xử của tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử của tòa án, tại biên bản hòa giải ngày 13 tháng 3 năm 2019 chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Kim Văn V và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau vào năm 2011 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân giữa anh V và chị N đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống cả hai đều xác định có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên thống nhất ly hôn. Mặc khác do anh V, chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh V và chị N xác định có 01 người con chung tên Kim Phú Hải, sinh ngày 13/01/2013, hiện đang sống với anh V. Khi ly hôn anh V, chị N thống nhất giao cháu H cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với chị N. Mặc khác, hiện nay cháu H vẫn đang sống chung với anh V, để không làm ảnh hưởng đến tâm lý của con khi cha mẹ ly hôn nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh V và chị N xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh V và chị N khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

[6] Án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm anh V phải chịu theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Không công nhận anh Kim Văn V và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Kim Phú H, sinh ngày 13/01/2013 hiện đang sống với anh V cho anh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng đối với chị N.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh V, chị N khai không có, không xem xét.

Về nợ chung: Anh V, chị N khai không có, không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Anh Kim Văn V phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 08/3/2019, anh V đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0002165 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Kim Văn V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

Trần Huyền Trân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 01 tháng 11 năm 2018.

Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến;

2. Ông Võ Thanh Liêm;

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 734/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đậu Thị Thu Thảo, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Phòng trọ số 04, nhà trọ Phi Vân, quốc lộ 1A, ấp Năm Đám, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Văn Lực, sinh năm 1974 (vắng mặt).
Địa chỉ: Phòng trọ số 05, nhà trọ 321, quản lộ Phụng Hiệp, khóm 1, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

**'HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ' SAU**

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51,56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về hôn nhân: Không công nhận chị Đậu Thị Thu Thảo và anh Lê Văn Lực là vợ chồng.

Biểu quyết 3/3

2.Về con chung: Giao cháu Lê Tiến Thành, sinh ngày 10/01/2010 cho anh Lực tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đậu Thị Thu Thảo có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/11/2018.

Chị Thảo có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Lực có đơn yêu cầu thi hành án, chị Thảo không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Biểu quyết 3/3

3.Về tài sản chung: Không xem xét.

Biểu quyết 3/3

4.Về nợ chung: Chị Thảo, anh Lực khai không có, không xem xét.

Biểu quyết 3/3

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Đậu Thị Thu Thảo phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chị Thảo phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 16/8/2018, Chị Thảo đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001210 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chị Thảo còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Biểu quyết 3/3

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Đậu Thị Thu Thảo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn Lực có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 11 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Liêm

Nguyễn Văn Chiến

Trần Huyền Trân

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân

Võ Sỹ Hùng

Trần Huyền Trân

Hà Trọng Tâm